

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thủy sản số ngày 21/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 241/TTr-SNNMT ngày 18/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm:

- Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn.
- Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đề b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.Q

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục**DANH MỤC KHU VỰC CẤM KHAI THÁC THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN;
NGHỀ, NGƯ CỤ CẤM SỬ DỤNG KHAI THÁC THỦY SẢN
Ở VÙNG VEN BỜ, VÙNG LỘNG VÀ VÙNG NỘI ĐỊA**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2026
của UBND tỉnh Ninh Bình)

I. DANH MỤC KHU VỰC CẤM KHAI THÁC THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN

TT	Tên khu vực	Xã/phường	Phạm vi/Tọa độ cấm	Thời gian cấm (Từ ngày- đến ngày)
1	Vùng ven biển Quất Lâm (tỉnh Nam Định cũ)	Các xã: Giao Hưng, Giao Bình, Giao Ninh, Hải Quang, Hải Tiến	Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ: - C4a: (20°12'30"N, 106°26'50"E) - C4b: (20°08'00"N, 106°31'00"E) - C4c: (20°03'00"N, 106°24'00"E) - C4d: (20°08'00"N, 106°19'30"E)	01/4 - 30/6

**II. DANH MỤC NGHỀ, NGƯ CỤ CẤM SỬ DỤNG KHAI THÁC
THỦY SẢN****1. Nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản**

TT	Tên nghề, ngư cụ	Phạm vi
1	Nghề lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc)	Vùng ven bờ; vùng nội địa
2	Nghề lồng xếp (lờ dây, bát quái, đón, lừ)	Vùng ven bờ; vùng nội địa
3	Nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực)	Vùng ven bờ
4	Các nghề: Đáy; xăm; chần; xiệp; xịch; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ.	Vùng ven bờ; vùng nội địa
5	Nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông).	Vùng lộng; vùng ven bờ; vùng nội địa

2. Quy định kích thước mắt lưới tối thiểu tại bộ phận tập trung thủy sản đối với ngư cụ khai thác nguồn lợi thủy sản ở vùng biển

TT	Tên loại ngư cụ	Kích thước mắt lưới quy định ((2a (mm))
1	Rê trích	28
2	Rê thu ngữ	90
3	Rê mò	60
4	Vây, vó, màn, rùng hoạt động ngoài vù cá cơm	20
5	Nò, sáo, quăng	18
6	Các loại lưới đánh cá cơm	10
7	Lưới kéo hoạt động vùng lộng	34
8	Lưới chụp, lồng bẫy ở vùng lộng	40

3. Quy định kích thước mắt lưới tối thiểu tại bộ phận tập trung thủy sản đối với ngư cụ khai thác nguồn lợi thủy sản ở vùng nội địa

TT	Tên loại ngư cụ	Kích thước mắt lưới quy định (2a (mm))
1	Lưới vây	18
2	Đăng, nò, sáo	18
3	Lưới rê (lưới bén)	40
4	Lưới rê (cá linh)	15
5	Vó, rớ	20
6	Chài các loại	15